

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung chương trình đào tạo Sư phạm Toán học, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.



Handwritten signature in blue ink.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Sư phạm Toán học, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có Khung chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo Sư phạm Toán học, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Ubaut*

Nơi nhận: *pgn*

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (02).





ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K59

Tên chương trình: Sư phạm Toán học Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Toán học Mã ngành: 7140209

(Ban hành theo Quyết định số: 2253 /QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		26								
1	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3	32	10	6	10				1
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	3
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	4
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	5
6	59EDL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				6
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131	2
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132	3
10	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				1
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					2
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	4		36					1
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	4		36					3
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng	2	05 tuần tập trung							
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		62								
2.1	Kiến thức cơ sở		19								
15	59SLN231	Tập hợp, logic và hệ thống số	3	30	20		10				1
16	59LIA231	Đại số tuyến tính 1	3	30	20		10				2
17	59ANM231	Giải tích 1	3	30	20		10				1
18	59ANM232	Giải tích 2	3	30	20		10			59ANM231	2

Handwritten signature and initials

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
19	59MOA231	Đại số hiện đại 1	3	30	20		10			59SLN231	2
20	59PRS241	Xác suất thống kê	4	40	20		20			59ANM231	5
2.2	Kiến thức ngành		43								
Các học phần bắt buộc			16								
21	59ANM333	Giải tích 3	3	30	20		10			59ANM232	3
22	59LIA333	Đại số tuyến tính 2	3	30	20		10			59LIA231	3
23	59MOA332	Đại số hiện đại 2	3	30	20		10			59MOA231	3
24	59LIG341	Hình học tuyến tính	4	40	20		20			59LIA332	5
25	59EFM331	Tiếng Anh chuyên ngành Toán	3	30	20		10			59ENG131	2
Các học phần tự chọn			27								
26	59DIF331	Phương trình vi phân	3	30	20		10			59ANM333	6
27	59RAP331	Quá trình ngẫu nhiên	3	30	20		10			59PRS241	6
28	59NUM331	Lý thuyết số	3	30	20		10			59SLN231	4
29	59ARM331	Số học	3	30	20		10			59SLN231	4
30	59GAT331	Lý thuyết Galois và ứng dụng	3	30	20		10			59MOA332	4
31	59FIT331	Lý thuyết trường và ứng dụng	3	30	20		10			59MOA332	4
32	59COA331	Giải tích phức	3	30	20		10			59ANM333	4
33	59STT331	Lý thuyết ổn định	3	30	20		10			59ANM232	4
34	59MIT331	Lý thuyết độ đo và tích phân	3	30	20		10			59ANM333	5
35	59TOS331	Không gian tôpô	3	30	20		10			59ANM333	5
36	59COG331	Lý thuyết tổ hợp và đồ thị	3	30	20		10			59SLN231	4
37	59MOT331	Lý thuyết môđun	3	30	20		10			59MOA332	4
38	59NAP331	Giải tích số và quy hoạch tuyến tính	3	30	20		10			59ANM231	6
39	59SDA331	Phân tích dữ liệu thống kê	3	30	20		10			59PRS241	6
40	59DIG331	Hình học vi phân	3	30	20		10			59LIG331	7
41	59PRG331	Hình học xạ ảnh	3	30	20		10			59LIG331	7
42	59FUA331	Giải tích hàm	3	30	20		10			59ANM333	7
43	59CAN331	Giải tích lỗi	3	30	20		10			59ANM333	7

MP

Leant

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
III	Kiến thức nghiệp vụ		36								
Các học phần bắt buộc			30								
44	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				1
45	59PEP431	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59EPS431	3
46	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59EPS431 59PEP431	5
47	59DIM441	Lý luận dạy học môn toán	4	40	20		8	12		59EPS431 59PEP431	4
48	59TGO441	Dạy học hình học	4	40	20		8	12		59DIM441	7
49	59TGA 431	Dạy học đại số 1	3	30	15		6	9		59DIM441	6
50	59PRA431	Thực hành sư phạm 1	3	30	10	15	5			59DIM441	6
51	59PRA422	Thực hành sư phạm 2	2			60				59PRA431	7
52	59TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở trường phổ thông						59PEP431	5
53	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở trường phổ thông					59TRA421	59PRA422	8
Các học phần tự chọn			6								
54	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10				6
55	59ITM431	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Toán	3	20	10	30	10			59GIF131	6
56	59TGA 432	Dạy học đại số 2	3	30	20		10			59TGA431	7
57	59DEM431	Phát triển chương trình giáo dục ở trường phổ thông	3	30	5	15	10			59DIM441	7
58	59MIR431	Toán học trong thực tiễn	3	30	20		10			59DIM441 59PRA431	7
59	59APM431	Đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh	3	30	20		10			59DIM441	7
60	59HIM431	Lịch sử Toán	3	30	20		10			59DIM441 59PRA431	7
IV	Khóa luận tốt nghiệp		6								
61	59MAT904	Khoá luận tốt nghiệp	6								
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp											

Nguyễn Văn

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
62	59FUE931	Phương trình hàm	3	30	20		10			59ANM333	8
63	59MME931	Mô hình toán kinh tế	3	30	20		10			59PRS241	8
64	59TGG931	Hình học của nhóm các phép biến hình	3	30	20		10			59TGO441 59LIG331	8
65	59SET931	Giáo dục STEM trong môn Toán	3	30	10	10	10			59DIM441 59PRA431	8
66	59ANG931	Hình học giải tích	3	30	20		10			59LIG331	8
67	59POA931	Đa thức và ứng dụng	3	30	20		10			59MOA332	8
Tổng cộng			130								

Ghi chú: Tổng số 130 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Chant *Ng*

